

Khởi đầu với nhiều tín hiệu tích cực

- Xuất nhập khẩu tăng trưởng mạnh mẽ, hoạt động sản xuất có dấu hiệu phục hồi sau thời gian dài trầm lắng.
- Lãi suất liên ngân hàng bật tăng tại các kỳ hạn ngắn do nhu cầu thanh khoản gia tăng vào thời điểm cận Tết.
- Tỷ giá USD/VND liên ngân hàng hạ nhiệt trong khi đồng USD thế giới kéo dài đà tăng.

Hoạt động XNK tăng trưởng mạnh mẽ, hoạt động sản xuất khởi sắc

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1 giảm 4.4% so với tháng trước và tăng 18.3% svck do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao tại một số địa phương. Chỉ số PMI tháng 1 tăng lên mức 50.3 sau 4 tháng liên tục ở dưới ngưỡng 50 điểm do lượng đặt hàng mới tăng trở lại trong bối cảnh nhu cầu phục hồi ở cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Xuất khẩu tháng 1 tăng 42% svck thúc đẩy bởi nhiều mặt hàng nông lâm thủy sản có mức tăng trưởng trên 70% svck.

Lạm phát ổn định trong tháng đầu năm và duy trì xu hướng giảm điểm

CPI tháng 1/2024 tăng trưởng 3.3% svck, thấp hơn so với tháng 1/2023 (tăng 4.8% svck) khi thời điểm Tết nguyên đán rơi vào tháng 2 cũng như lạm phát chưa phải chịu áp lực bởi chỉ số giá lương thực, thực phẩm. Tuy nhiên, việc tăng giá điện và tăng giá dịch vụ y tế trong năm 2023 vẫn tác động lên lạm phát trong tháng đầu tiên của năm mới.

Tốc độ tăng trưởng của tiêu dùng chững lại nhưng xu hướng vẫn lạc quan

Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 1 tăng 8.1% so với cùng kỳ và 1.6% so với tháng trước. Tốc độ tăng trưởng của bán lẻ năm nay có mức tăng không bằng so với tháng 1 năm 2023 do không phải rơi đúng vào thời điểm Tết nguyên đán nhưng vẫn đạt quy mô cao hơn so với cùng kỳ các năm trước.

Lãi suất liên ngân hàng bật tăng do áp lực bởi nhu cầu thanh khoản

Lãi suất liên ngân hàng tăng vọt chỉ trong những ngày cuối tháng 1, đặc biệt tại các kỳ hạn ngắn do ảnh hưởng bởi tính mùa vụ trong năm. Đặc biệt, lãi suất qua đêm hiện đang giao dịch ở mức 1.4% tăng mạnh từ mức đáy 0.1% trong tháng. Chúng tôi cho rằng lãi suất sẽ tăng không quá mạnh và sẽ hạ nhiệt ngay sau kỳ nghỉ lễ kết thúc trong bối cảnh nhu cầu thanh khoản không quá căng thẳng.

Hình 1: Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (Đơn vị: %)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Giám đốc Khởi Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Hien.tranthikhanh@mbs.com.vn

Chuyên viên phân tích

Lê Minh Anh

Anh.leminh@mbs.com.vn

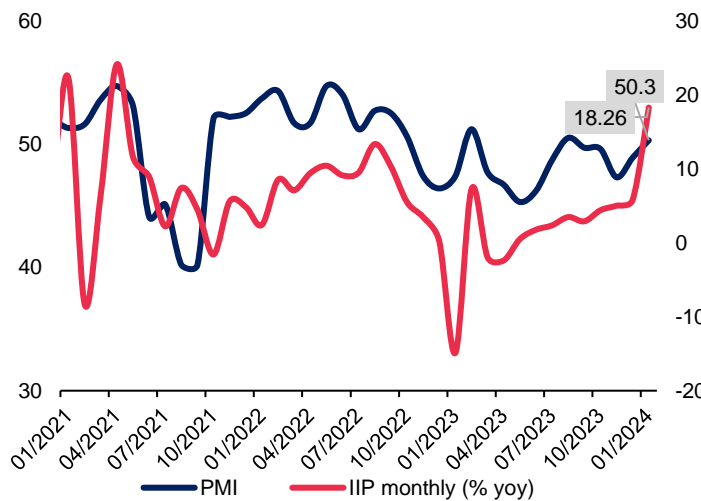
Khởi đầu với nhiều tín hiệu tích cực

Công nghiệp chế biến, chế tạo là điểm sáng đẩy mạnh tăng trưởng hoạt động sản xuất công nghiệp

Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng 1 năm 2024 giảm 4.4% so với tháng trước (+18.3% svck), chỉ số tăng trưởng cao so với nền thấp của năm ngoái và xuất khẩu trong tháng thuận lợi. Các ngành ghi nhận hoạt động sản xuất tăng trưởng mạnh trong tháng bao gồm: sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+66.7% svck), sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu (+52.5% svck), sản xuất thiết bị điện (+43.3% svck). Trong đó, có 2 nhóm duy nhất ghi nhận tăng trưởng âm là sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị (-23.4% svck) và khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (-1.1% svck).

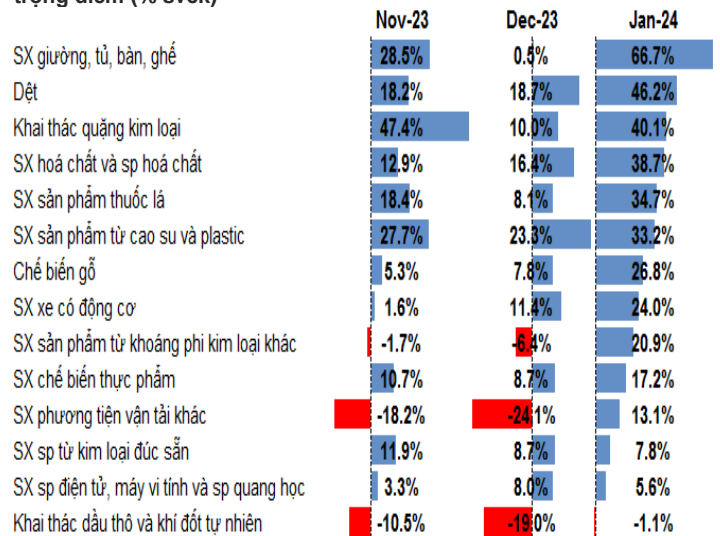
Chỉ số PMI tháng 1 khi tăng lên mức 50.3 điểm so với 48.9 điểm của tháng 12, quay trở lại trên ngưỡng 50 điểm trong tháng đầu năm. Kết quả chỉ số cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất đã có sự cải thiện sau 5 tháng dù đây là mức cải thiện nhẹ do số lượng đơn đặt hàng mới và sản xuất đã tăng trở lại. Tổng số lượng đơn đặt hàng mới tăng lần đầu tiên trong ba tháng trong bối cảnh nhu cầu phục hồi ở cả thị trường trong nước và xuất khẩu (số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng lần đầu tiên kể từ tháng 10 năm ngoái). Bên cạnh đó, hàng tồn kho sau sản xuất đã ghi nhận giảm trong tháng 1/2024. Mức giảm lượng hàng tồn kho trước sản xuất là lớn và là mạnh nhất kể từ tháng 6 năm ngoái.

Hình 2: Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% so với cùng kỳ)



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 3: Diễn biến tăng/giảm chỉ số IIP một số ngành công nghiệp trong điểm (% svck)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Xuất khẩu duy trì đà tăng trưởng khi được hỗ trợ bởi các mặt hàng nông nghiệp trong tháng đầu năm

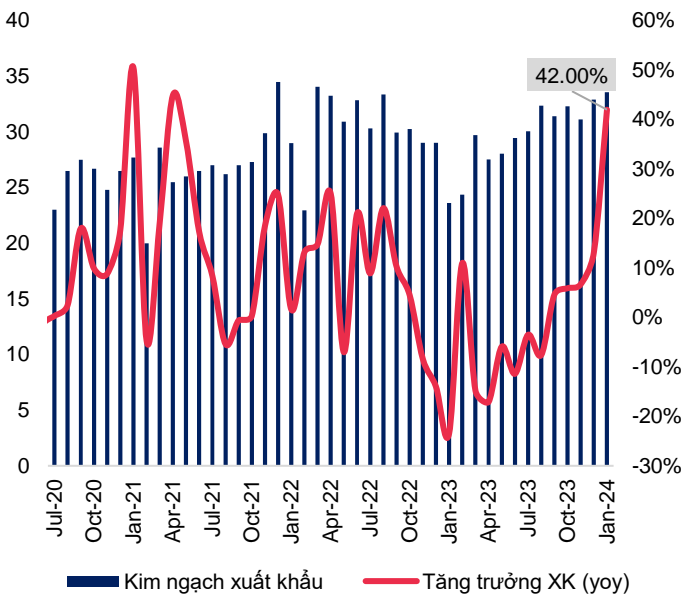
Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 1/2024 ước đạt 33.5 tỷ USD, tăng 6.7% so với tháng trước (+42% svck). Tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu cho thấy sự cải thiện so với mức nền thấp của năm trước (T1/23 giảm 23.45% svck), đóng góp bởi nhiều mặt hàng nông nghiệp tăng trưởng ấn tượng như sắn và sản phẩm của sắn (+198% svck), hạt điều (+143% svck) và chè (+127% svck). Bên cạnh đó, số ngày làm việc của tháng 1/2024 nhiều hơn so với tháng 1/2023 khi rơi vào thời điểm Tết Nguyên đán, nên kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm nay tăng mạnh

so với cùng kỳ. Các mặt hàng xuất khẩu có tăng trưởng âm lớn nhất bao gồm xăng dầu (-19.7% svck) và dầu thô (-1.9% svck).

Về thị trường xuất khẩu tháng 1 năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 9.6 tỷ USD (+55.8% svck), xuất khẩu sang EU ước đạt 3.9 tỷ USD (+17.9% svck); xuất khẩu sang Nhật Bản 2.2 tỷ USD (+39.6% svck)

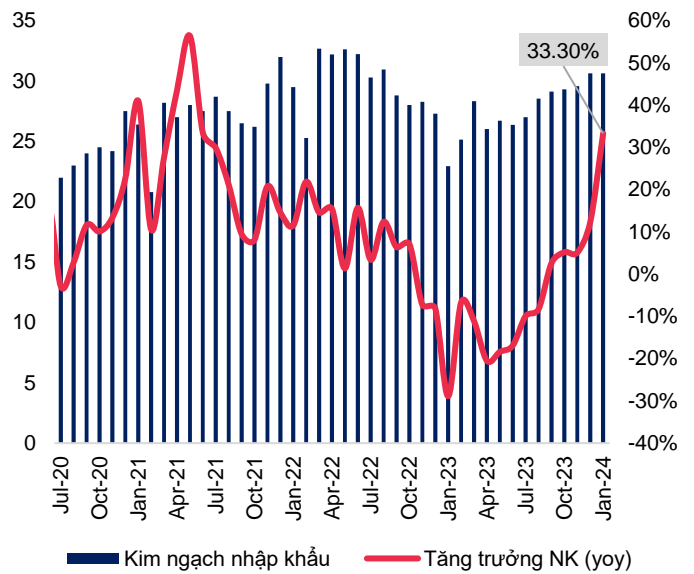
Từ chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 1/2024 ước đạt 30.6 tỷ USD, tăng 33.3% svck, tăng 4.2% so với tháng trước. Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 10.9 tỷ USD (+49.4% svck). Trong tháng có 3 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD (chiếm 43.9% tổng kim ngạch) là điện tử, máy tính linh kiện, máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác và vải với mức tăng trưởng lần lượt là +25.7%, +46% và +28.2% svck.

Hình 4: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



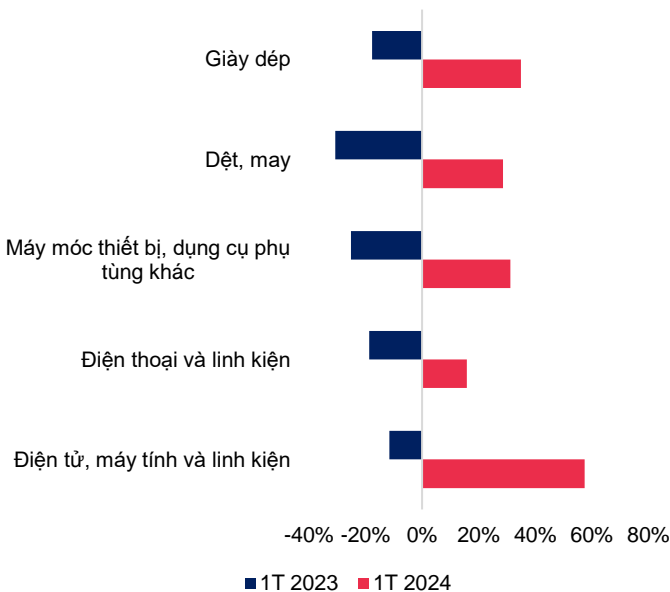
Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 5: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



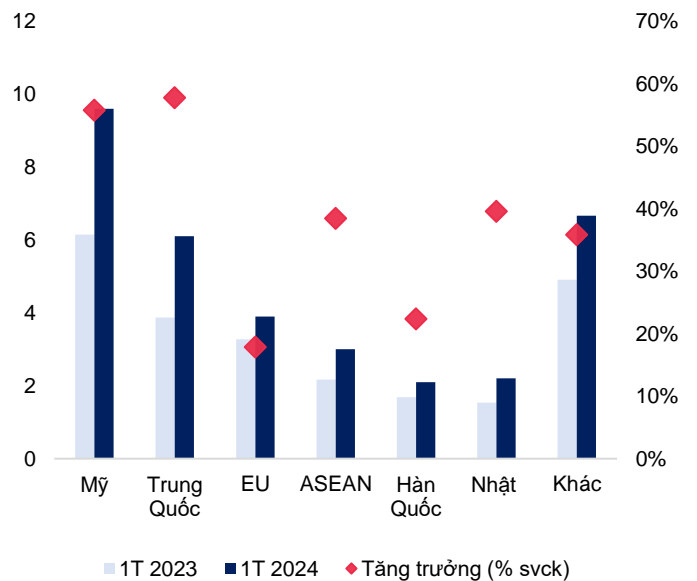
Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 6: Tăng trưởng của các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất lũy kế từ đầu năm (%yoy)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 7: Thị trường xuất khẩu của Việt Nam 1T.2024 (Tỷ USD)



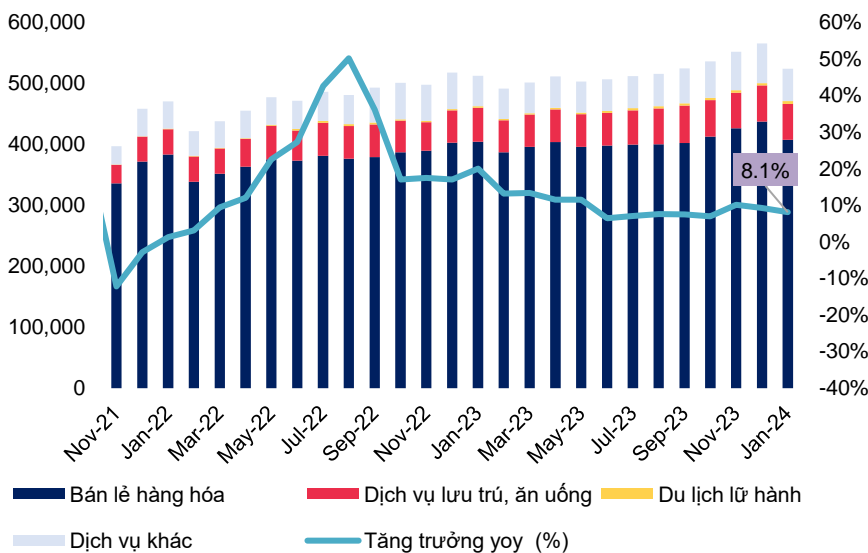
Nguồn: TCTK, MBS Research

Tốc độ tăng trưởng tiêu dùng chững lại nhưng vẫn được hỗ trợ bởi du lịch khả quan

Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 1 năm 2024 tăng 8.1% so với cùng kỳ và 1.6% so với tháng trước. Hoạt động thương mại dịch vụ trong tháng đầu năm vẫn diễn ra khá sôi động để chuẩn bị phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân trong tháng cận Tết.

Tuy nhiên, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng ước tính tăng 5.8% so với cùng kỳ (loại trừ yếu tố giá tăng), tốc độ tăng trưởng vẫn thấp hơn so với năm ngoái (T1/23 tăng 15.8% yoy loại trừ yếu tố giá tăng) khi hoạt động bán lẻ tăng mạnh hơn trong dịp lễ tết và đồng thời tăng so với mức nền thấp của năm diễn ra đại dịch trước đó. Khách quốc tế đến nước ta trong tháng 1 ước đạt hơn 1.5 triệu lượt người, tăng 10.3% so với tháng trước và tăng 73.6% so với cùng kỳ.

Hình 8: Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước (Nghìn tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

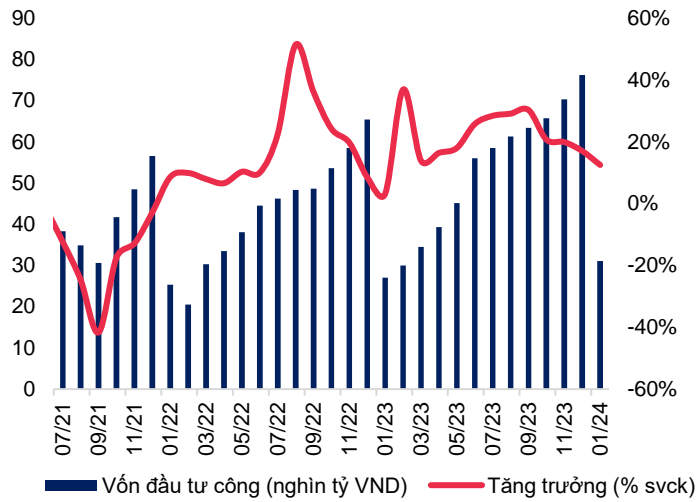
Tăng trưởng FDI trong tháng ấn tượng, thu hút bởi lĩnh vực bất động sản

Tháng 1 năm 2024, vốn đăng ký cấp mới tăng 67% so với cùng kỳ năm trước về số vốn đăng ký, trong khi vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giải ngân ước đạt 1.4 tỷ đồng, tăng 9.6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1.1 tỷ USD (chiếm 77.7% tổng vốn đầu tư), hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 147.3 triệu USD, (chiếm 10%), sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 72.4 triệu USD (chiếm 4.9%). Đáng chú ý, trong tháng đầu năm, vốn đầu tư của Hà Nội tăng mạnh do có dự án đầu tư mới lớn với tổng vốn đầu tư hơn 662 triệu USD với mục tiêu đầu tư dự án khu đô thị mới ở Hà Nội với khả năng thuộc về dự án mà Tập đoàn CapitaLand (Singapore) đầu tư tại khu vực Khu đô thị mới Tây Mỗ - Đại Mỗ - Vinhomes Park Hà Nội.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 1 ước đạt 31.1 nghìn tỷ đồng, tăng 12.5% so với cùng kỳ năm trước, bằng 4.4% kế hoạch năm. Tốc

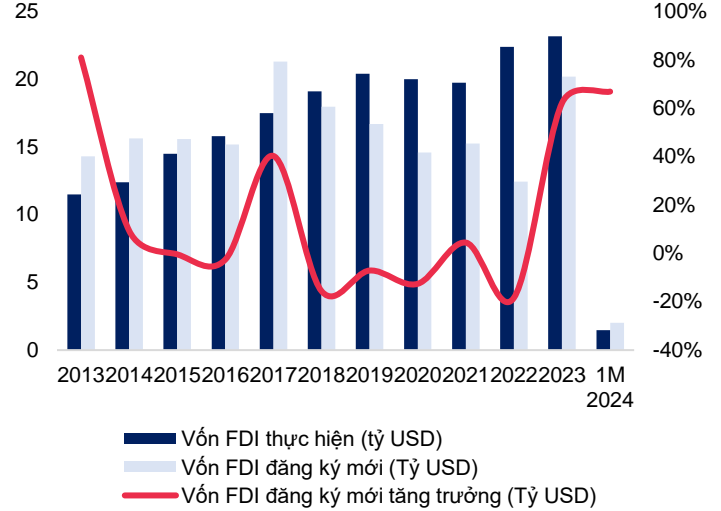
độ giải ngân đầu tư công cao hơn đáng kể so với T1/23 (tăng 3.2% svck) khi năm ngoài tháng 1 năm ngoài rơi vào ngày nghỉ lễ kéo dài.

Hình 9: Tăng trưởng đầu tư công



Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 10: Tăng trưởng vốn đầu tư FDI tại Việt Nam



Nguồn: TCTK, MBS Research

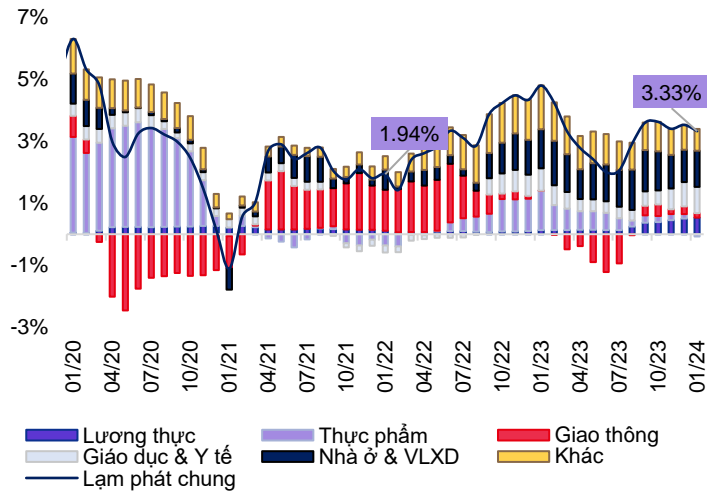
Lạm phát ổn định và duy trì xu hướng giảm điểm

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1/2024 tăng 0.3% so với tháng trước và 3.3% so với cùng kỳ năm trước (tháng 1/2023 tăng 4.8% svck). Chỉ số CPI tăng khá thấp so với cùng kỳ do Tết Nguyên đán năm nay rơi vào tháng 2, vì vậy các chỉ số tại các nhóm lương thực, thực phẩm và đồ uống thuốc lá vẫn chưa tạo áp lực lên lạm phát theo quy luật tiêu dùng. Lạm phát cơ bản tháng 1 tăng 2.7% so với cùng kỳ.

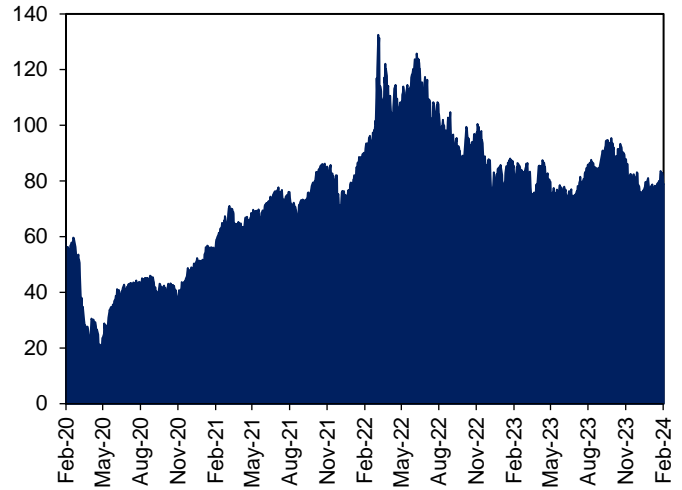
Giá vật liệu xây dựng và giá nhà ở thuê tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn góp phần vào việc tăng của CPI trong tháng (+6.3% svck). Bên cạnh đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2.3% svck do tác động của nhóm lương thực tăng 15.6% khi nhu cầu mua sắm thực phẩm và ăn uống ngoài ra đình gia tăng trong thời điểm cận Tết nguyên đán. Việc tăng học phí tại một số thành phố đẩy chỉ số nhóm giáo dục tăng cao 8.3% svck và nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 6.5% do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh đã góp phần đẩy chỉ số giá tiêu dùng trong tháng so với cùng kỳ.

Chúng tôi dự kiến CPI bình quân 2024 sẽ dao động ở mức 3.5% - 3.6%, mức lạm phát vẫn duy trì nằm trong kế hoạch đề ra của chính phủ là 4%-4.5% do cầu trong nước vẫn còn thấp. Tuy nhiên, lạm phát trong năm sau sẽ chịu rủi ro bởi các yếu tố sau đây: Thứ nhất, giá thép xây dựng nội địa sẽ phục hồi lên mức 15 triệu VNĐ/tấn (+8% svck) trong năm 2024 nhờ đà tăng giá thép thế giới và nhu cầu ấm lên ở thị trường Việt Nam. Thứ hai, nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân hai lần trong năm 2023 sẽ tác động đến các hàng hóa, sản phẩm và các dịch vụ liên đới và đẩy chi tiêu hàng ngày vọt lên. Thứ ba, chỉ số giá lương thực có xu hướng tăng do giá nhóm gạo sẽ tăng trong bối cảnh nhu cầu tại các thị trường châu Á và châu Phi tăng lên. Ngoài ra, giá dầu cũng là một yếu tố đáng chú ý trong năm sau trong bối cảnh các xung đột quốc tế có thể kéo dài tuy nhiên triển vọng vẫn chưa quá rõ ràng và dự kiến vẫn sẽ duy trì khá ổn định quanh mức 83 - 85 USD/thùng do các nỗ lực cắt giảm nguồn cung từ OPEC+..

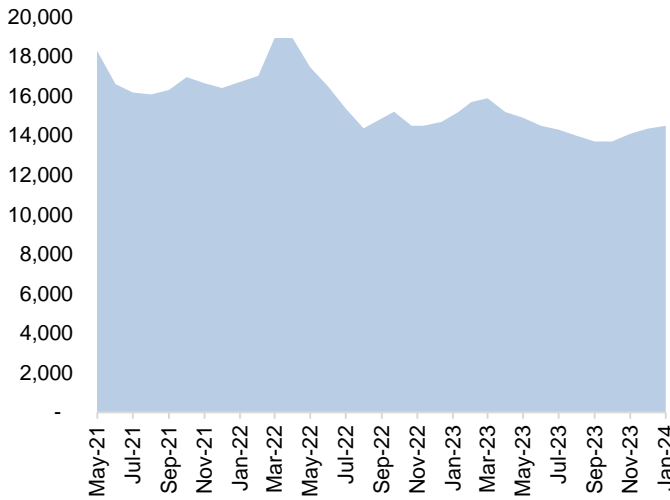
Hình 11: Đóng góp của các nhóm hàng vào tăng trưởng CPI (%)



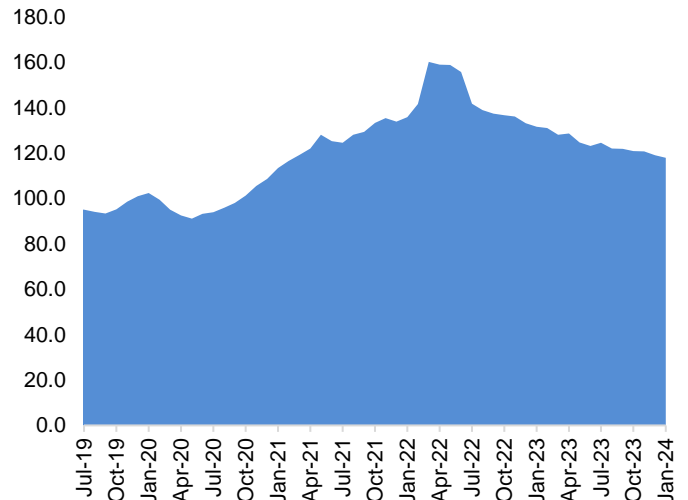
Hình 12: Giá dầu Brent (USD/thùng)



Hình 13: Giá thép (Triệu VND/tấn)



Hình 14: Chỉ số giá thực phẩm FAO



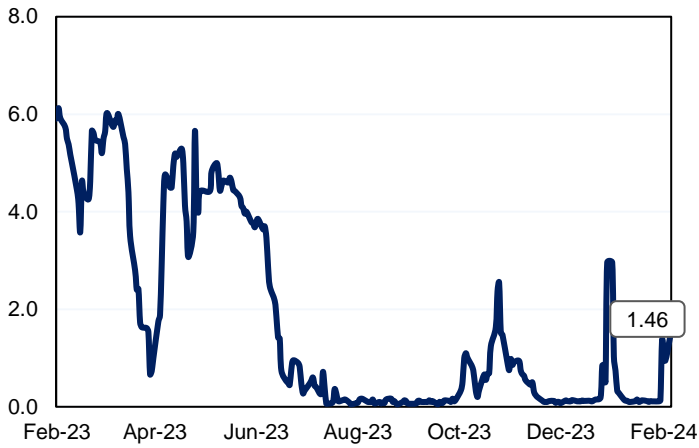
Lãi suất liên ngân bật tăng do nhu cầu thanh khoản gia tăng

NHNN đã quay lại bơm tiền qua kênh OMO. Vào ngày 30/1, NHNN đã bơm 2.28 tỷ đồng qua kênh OMO với lãi suất 4%/năm và kỳ hạn 7 ngày và lượng tiền này đã đáo hạn và quay trở lại NHNN. Trong khi đó, kênh phát hành tín phiếu không có hoạt động nào.

Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục cho thấy diễn biến tăng khi càng ngày tiến gần đến thời điểm Tết nguyên đán, tính mùa vụ tạo áp lực thanh khoản và đẩy lãi suất liên ngân hàng tăng lên. Lãi suất qua đêm đã tăng lên và hiện đang giao dịch tại mức 1.4%. Lãi suất tại các kỳ hạn ngắn từ 1 tháng trở xuống khác đồng thời bật tăng và hiện đang giao dịch trong khoảng 1.6%-1.7%.

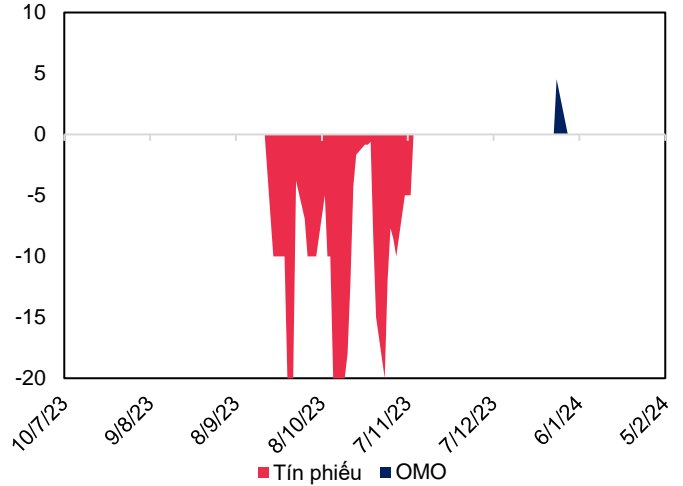
Cuộc đua giảm lãi suất huy động vẫn chưa ngừng lại. Trong tháng 1/2024, mức lãi suất trung bình giảm về khoảng 4.73% đến 4.98%/năm. Mức giảm mạnh nhất được ghi nhận ở nhóm các NH quốc doanh do nguồn vốn của hệ thống vẫn đang rất dồi dào. Các NH quốc doanh hiện đang triển khai lãi suất cho kỳ hạn 12 tháng cụ thể như sau: Agribank, VietinBank và BIDV có chung mức lãi suất là 4.8%/năm. Riêng Vietcombank có mức lãi suất thấp hơn cho cùng kỳ hạn là 4.7%/năm.

Hình 15: Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (Đơn vị: %)



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 16: Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (Đơn vị: %)



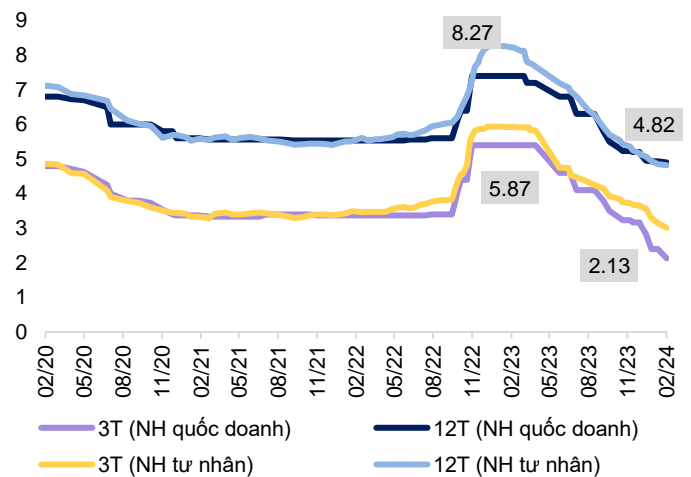
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 18: Lãi suất liên ngân hàng (%/năm)

Ngày	Qua đêm	1 Tuần	2 Tuần	1 Tháng
31/10	0.7	1.1	1.5	2.2
30/11	0.1	0.2	0.3	0.8
31/12	2.9	3.3	2.7	2.2
05/02	1.4	1.7	1.7	1.6

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 19: Lãi suất huy động của các nhóm ngân hàng (%/năm)



Nguồn: NHNN, Bloomberg, MBS Research

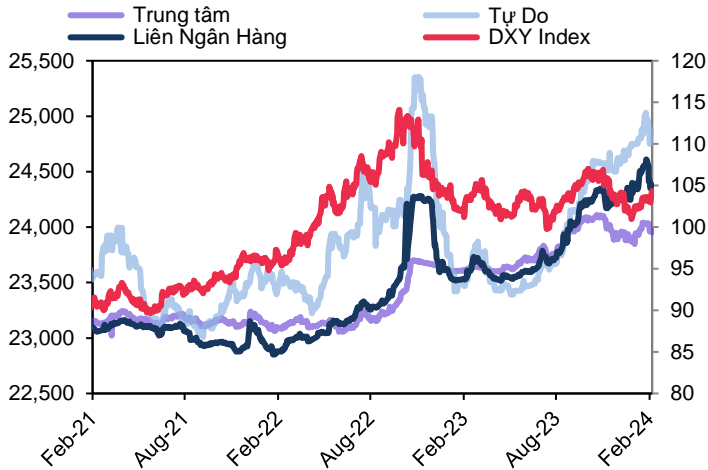
Tỷ giá USD/VND liên ngân hàng hạ nhiệt trái ngược với xu hướng thế giới

Tỷ giá trong nước sau khi tăng nóng và đạt đỉnh trong tháng đã nhanh chóng hạ nhiệt khi thời điểm nghỉ lễ đang đến gần. Tỷ giá liên ngân hàng quay trở lại mặt bằng giá đầu năm hiện đang giao dịch xung quanh 24,363 VND/USD, giảm 0.9% so với đỉnh. Tỷ giá tại thị trường tự do và tỷ giá liên ngân hàng giảm đồng loạt và đang giao dịch lần lượt ở mức 24,910 VND/USD và 23,964 VND/USD, giảm 0.3%-0.5% từ mức đỉnh trong tháng 1.

Đồng USD bật tăng lên mức 104.5 và lên mức cao nhất trong gần ba tháng, tăng 2% so với đầu năm, sau khi dữ liệu kinh tế mới cho thấy dấu hiệu hồi phục của nền kinh tế, điều này làm giảm cơ hội cắt giảm lãi suất trong thời gian ngắn của Fed. Số liệu của ISM cho biết tăng trưởng ngành dịch vụ của Mỹ đã phục hồi trong tháng 1 do số lượng đơn đặt hàng mới tăng và việc làm tăng, cho thấy động lực tăng trưởng kinh tế từ quý IV đã lan sang năm mới. Bên cạnh đó, số liệu về tăng trưởng việc làm ngoài dự đoán với mức thu nhập trung bình mỗi giờ tăng 0.6% sau khi tăng 0.4% trong tháng 12 đã đồng thời làm giảm kỳ vọng của thị trường về khả năng cắt giảm lãi suất vào tháng 3 và giảm cả số lần cắt giảm dự kiến mà Fed sẽ thực hiện trong năm nay.

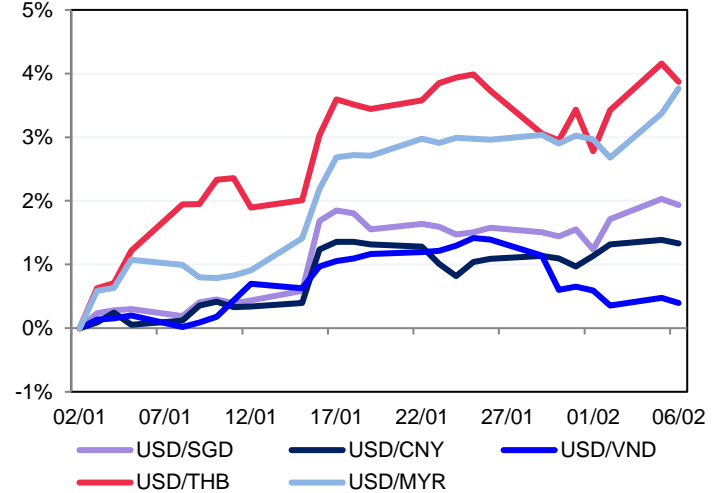
Trong năm nay, khi chính sách tiền tệ toàn cầu bắt đầu nới lỏng, đồng đô la Mỹ có xu hướng mất giá trên diện rộng và sẽ giảm áp lực lên tỷ giá trong nước. Chúng tôi cho rằng, tỷ giá năm 2024 sẽ dao động trong vùng 23,800 – 24,300 VND/USD và vẫn tiếp tục sẽ được hỗ trợ bởi các yếu tố bao gồm thặng dư thương mại tuy nhiên sẽ có thể không còn tốt như bây giờ khi xuất nhập khẩu sẽ phục hồi, giải ngân FDI tích cực, lượng kiều hối ổn định (IMF dự báo lượng kiều hối trong năm 2024 lên hơn 110 tỷ USD), du lịch quốc tế hồi phục mạnh,...

Hình 20: Tỷ giá VND/USD



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 21: Diễn biến tỷ giá một số đồng tiền so với USD



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thống kê các chỉ tiêu kinh tế & dự báo 2023 - 2024

Các chỉ tiêu kinh tế	2018	2019	2020	2021	2022	2023F	2024F
1. GDP, dân số và thu nhập							
GDP Danh Nghĩa (tỷ USD)	281.3	310.1	334.3	346.6	366.1	408.8	476.9
Tăng trưởng GDP (%)	7.08	7.02	2.91	2.58	8.02	5.3	4.7
Xuất khẩu hàng hóa (% yoy)	13.8	8.1	6.5	19	10.6	-8	7
Nhập khẩu hàng hóa (% yoy)	11.5	7	3.6	26.5	8.4	-10	9
Dân số (triệu người)	95.5	96.4	97.7	98.5	99.3	100	101.5
GDP/đầu người (USD)	2,992	3,267	3,491	3,586	3,756	4,163	4,707
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2.33	2.33	2.2	2.2	2.2	2.9	2.3
2. Chỉ số tài khóa (%GDP)							
Nợ chính phủ	49.9	49.2	51.5	39.1	34.7	36.1	39.8
Nợ công	55	55.9	43.1	38	39.5	38	32.3
Nợ nước ngoài	46	47.1	47.9	38.4	36.8	36	36.5
3. Các chỉ số tài chính							
Tỷ giá USD/VND	23,180	23,228	23,115	23,145	23,612	24,100	23,600
Lạm phát (%)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.15	3.43	3.5
Tăng trưởng tín dụng (%)	17.1	18.7	18.2	13.9	12.1	11	10
Trung bình lãi suất tiền gửi 12 tháng	7	7.2	6.8	5.8	8.5	5.6	6
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7.2	9.9	19.1	4	11.2	22	12
Hàng hóa: Xuất khẩu (tỷ USD)	244	263	281	336	371	340	366
Hàng hóa: Nhập khẩu (tỷ USD)	237	253	262	332	360	322	354
Tổng dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	78	94	109	86	95	110.5

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
NẮM GIỮ	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Lê Minh Anh

Lê Ngọc Hưng

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Đỗ Lan Phương

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Công nghiệp – Năng Lượng

Nguyễn Hà Đức Tùng

Phạm Thị Thanh Huyền

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly